TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
"V/v Ly hôn giữa bà D và ông H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 921/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Thái Huy H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà D, ông H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày như sau: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 1990 bà và ông Thái Huy H đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/1990. Vợ chồng có 02 con chung tên Thái Thị Ngọc H1, sinh ngày

26/02/1991 và Thái Ngọc Hoàng C, sinh ngày 31/5/2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Nay bà D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà và ông H có hai con chung tên Thái Thị Ngọc H1, sinh ngày 26/02/1991 và Thái Ngọc Hoàng C, sinh ngày 31/5/2000. Hiện hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D xác định bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Thái Huy H trình bày như sau: Ông H thống nhất với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc D về thời gian quen biết, kết hôn và con chung. Tuy nhiên, ông H không đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu ly hôn của bà D. Ông H xác định mâu thuẫn vợ chồng là có, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đến mức phải ly hôn. Bà D đã ra ngoài sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Bà D yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, ông còn thương vợ và muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau chăm lo gia đình.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông và bà D có hai con chung tên Thái Thị Ngọc H1, sinh ngày 26/02/1991 và Thái Ngọc Hoàng C, sinh ngày 31/5/2000. Hiện hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông H xác định ông và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác định ông và bà D không có nợ chung.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Thái Huy H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thái Huy H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Thái Huy H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Thái Huy H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/1990 (Giấy đăng ký số 23/1990) nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Thái Huy H là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc D đối với ông Thái Huy H, thấy rằng: Bà D trình bày cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, bà đã dọn ra ngoài sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Ông H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy có mâu thuẫn nhưng không lớn đến mức phải ly hôn, ông còn thương vợ nên mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau chăm lo cho gia đình. Xét thấy, yêu cầu đoàn tụ của ông H không được bà D đồng ý, Tòa án đã tiến hành tống đạt mời ông H tham gia phiên tòa để giải quyết ly hôn với bà D nhưng ông H không đến phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt chứng tỏ ông H không có thiện chí để hàn gắn. Xét thấy một trong hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc D.

[2.3] Về nuôi con chung: Bà D và ông H thống nhất có 02 con chung tên Thái Thị Ngọc H1, sinh ngày 26/02/1991 và Thái Ngọc Hoàng C, sinh ngày

31/5/2000. Hiện hai con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Bà D và ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà D và ông H xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc "Ly hôn" đối với ông Thái Huy H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Thái Huy H.

2. Về quyền nuôi con chung: Bà D và ông H thống nhất có 02 con chung tên Thái Thị Ngọc H1, sinh ngày 26/02/1991 và Thái Ngọc Hoàng C, sinh ngày 31/5/2000. Hiện hai con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà D và ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà D và ông H xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005654 ngày 13/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CCTHADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- UBND Phường 18, Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm